

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Hoàng Lan Chi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Phạm Thị Bích Hợp**

**2. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Đình Thị Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:**  
**Bà Hoàng Thị Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phạm Thùy A** – Sinh năm: 198X (*Có mặt*)

2. Bị đơn: **Anh Tô Hồng Q** – Sinh năm: 198X (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

Cùng HKTT: Số 409 phố M, phường T, quận H, Hà Nội

Cùng tạm trú tại: Chung cư L, phường V, quận H, Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn xin ly hôn ngày 30/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phạm Thùy A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tô Hồng Q kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/201X tại UBND phường T, quận H, Hà Nội. Trước đó chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Chung cư L, phường V, quận H, Hà Nội. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách, cách sống, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, không thống nhất được các công việc lớn nhỏ trong gia đình. Anh Q

không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Anh Q làm ăn kinh doanh bên ngoài bị thua lỗ dẫn đến nợ nần, nhiều người bên ngoài xã hội đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, chị đã phải trả nợ cho anh Q nhiều lần. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không có sự quan tâm đến nhau. Từ tháng 3/2020, anh Q ra ngoài thuê nhà ở, thỉnh thoảng có về nhà thăm con và bố mẹ song lại đi ngay. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để được ổn định cuộc sống nuôi dạy con.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Tô Hồng N, sinh ngày 29/8/201X, sức khỏe của cháu bình thường, cháu đang ở cùng chị. Chị Thùy A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề kinh doanh tự do, có thu nhập 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Thùy A xác định chị và anh Q không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Thùy A xác định vợ chồng không có công nợ chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Thùy A không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

#### **Bị đơn – Anh Tô Hồng Q:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Tô Hồng Q đến Tòa án để lấy lời khai, giao nộp chứng cứ, anh Q đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh Q và không tiến hành hoà giải được vụ án hôn nhân gia đình.

#### **Tại phiên tòa:**

- Chị Thùy A vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để được ổn định cuộc sống còn nuôi dạy con. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, chị vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Tòa án

và không đến Toà án giải quyết vì vậy Toà án không lấy được lời khai của anh Q và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thùy A. Về con chung, giao con chung cho chị Thùy A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Thùy A không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, chị Thùy A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị Thùy A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Tại Đơn xin ly hôn và Đơn xin xác nhận tạm trú thể hiện bị đơn – anh Tô Hồng Q có đăng ký tạm trú tại: Chung cư L, phường V, quận H, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình trên, TAND quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã tổng đạt hợp lệ cho anh Tô Hồng Q. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo của Toà án, anh Q không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thùy A và cũng không gửi cho Toà án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình.

TAND quận Hai Bà Trưng đã hai lần ra Thông báo đến Toà án lấy lời khai và giao nộp chứng cứ, ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng anh Q không có mặt, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh Q và không tiến hành hòa giải được vụ án hôn nhân gia đình.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Tô Hồng Q theo quy định pháp luật nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thùy A và anh Tô Hồng Q lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/12/201X tại UBND phường T, quận H, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị Thùy A và anh Q:

Theo chị Thùy A trình bày: Trong quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách, cách sống, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, không thống nhất được các công việc lớn nhỏ trong gia đình. Anh Q không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Anh Q làm ăn kinh doanh bên ngoài bị thua lỗ dẫn đến nợ nần, nhiều người bên ngoài xã hội đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, chị đã phải trả nợ cho anh Q nhiều lần. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không có sự quan tâm đến nhau. Từ tháng 3/2020, anh Q ra ngoài thuê nhà ở, thỉnh thoảng có về nhà thăm con và bố mẹ song lại đi ngay. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để được ổn định cuộc sống nuôi dạy con.

Tài liệu do Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi chị Thùy A và anh Q sinh sống thể hiện: Quá trình anh chị chung sống, thời gian trước thì không xảy ra vấn đề gì, đến khoảng từ năm 2019 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn chủ yếu do cách sống, quan điểm sống khác nhau, từ đầu năm 2020 anh Q không ở đây thường xuyên nhưng thỉnh thoảng có về thăm con và gia đình xong lại đi.

Xét tình trạng hôn nhân của chị Thùy A và anh Q là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau, đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Thùy A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Thùy A và anh Q có 01 con chung là Tô Hồng N, sinh ngày 29/8/201X, sức khỏe của cháu bình thường, cháu đang ở cùng chị Thùy A. Chị Thùy A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề kinh doanh tự do, có thu nhập 20.000.000 đồng/tháng.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Anh Q, chị Thùy A hiện không chung sống với nhau, chị Thùy A vẫn đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hiện chị Thùy A công tác tại Công ty B, có mức thu nhập 20.000.000 đồng/tháng. Chị Thùy A có nơi ở và thu nhập ổn định. Tại Đơn đề nghị ngày 17/5/2021 của cháu Tô Hồng N có nguyện vọng được ở với mẹ. Nguyện vọng được nuôi con chung của chị Thùy A là chính đáng phù hợp với nguyện vọng của con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao

con chung cho chị Thùy A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Thùy A không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị Thùy A xác định vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về công nợ: Chị Thùy A xác định vợ chồng không có công nợ chung, không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Anh Q không có ý kiến về tài sản, nhà ở và công nợ của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác khi anh Q có đơn yêu cầu.

2.6. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Thùy A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Chị Thùy A, anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

***Từ những nhận định trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thùy A đối với anh Tô Hồng Q. Chị Thùy A được ly hôn anh Q.

2. Về con chung: Chị Thùy A và anh Q có 01 con chung là Tô Hồng N, sinh ngày 29/8/201X

Giao con chung cho chị Thùy A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nhà ở chung:** Chị Thùy A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về công nợ:** Chị Thùy A xác định vợ chồng không có công nợ chung, không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**5.** Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh Tô Hồng Q khi anh có đơn yêu cầu.

**6. Về án phí:** Chị Phạm Thùy A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0011509 ngày 01/4/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Phạm Thùy A, vắng mặt anh Tô Hồng Q. Chị Thùy A có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND phường T, quận H, Hà Nội  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 164/2013,  
quyển số 01/2013 ngày 11/12/2013)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Lan Chi**